

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST

Ngày: 07- 08 - 2024

“*V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến.

Bà Hoàng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 17/TLST-KDTM ngày 19/10/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐST - KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV; Địa chỉ trụ sở: Số 63 VP, phường VP, quận H, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hồng Th - Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh H – chuyên viên.(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1997 – Luật sư Công ty luật TNHH FANCI chi nhánh Thăng Long; địa chỉ: Phòng 3110 Tòa nhà An Bình Plaza số 97 Trần Bình, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.(Có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty Thực phẩm V; địa chỉ: Ki ốt số 6 Nhà MS, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn V – chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH thực phẩm V.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn - Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV (sau đây gọi tắt là Công ty SV) và người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Công ty SV là doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh buôn bán hàng hóa gồm bánh kẹo, muôi, sữa tươi, mỳ, bột canh, mỳ chính và các nhu yếu phẩm hàng ngày khác. Công ty V là đối tác mua hàng hóa của Công ty SV từ nhiều năm nay. Ngày 05/10/2022, hai bên đã ký kết 01 hợp đồng mua bán hàng hóa số/2022/HĐMB/SV-VT (Hợp đồng 2022). Trong hợp đồng quy định cụ thể về nội dung, cách thức hợp tác và phương thức thanh toán. Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 05/10/2022; hết thời hạn thì Hợp đồng tự gia hạn trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Để thuận tiện trong việc hợp tác, các nhân viên của hai bên đã lập nhóm chat Zalo có tên: “SV – HN - V ruốc – cốm 40g” để trao đổi công việc cũng như tổng hợp và gửi các tài liệu có liên quan. Hàng tháng, nhân viên của SV sẽ gửi báo giá hàng hóa, nhân viên đặt hàng của V sẽ tiến hành đặt hàng và nhân viên của hai bên trao đổi về thời gian, địa điểm giao hàng, tình trạng hàng hóa, đối chiếu công nợ và chốt công nợ toàn bộ trên nhóm chat Zalo nêu trên. Việc hợp tác mua bán hàng hóa giữa hai bên thực hiện thuận lợi từ khi ký hợp đồng cho đến kỳ công nợ tháng 6 và tháng 7 năm 2023 thì công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể:

(a). Tại kỳ công nợ tháng 6/2023: Căn cứ đặt hàng của Công ty V trên nhóm chat “SV – HN - V ruốc – cốm 40g”; Các biên bản giao hàng hóa tháng 6/2023, sau khi giao hàng, Công ty SV đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng gồm: số 00001264 ngày 29/06/2023, số 00001265 ngày 29/6/2023. Tại Biên bản chốt công nợ ngày 30/06/2023 Công ty V xác nhận: “*Từ ngày 26/05/2023 đến 25/06/2023, Công ty V còn nợ công ty SV số tiền 1.247.648.811 đồng*”. Đến thời điểm hiện tại, công ty V đã thanh toán số tiền nợ tháng 6/2023 là 500.000.000 đồng. Như vậy, Công ty V còn nợ Công ty SV số tiền hàng của tháng 6/2023 là **747.648.811 đồng**.

(b.) Tại kỳ công nợ tháng 7/2023: Căn cứ đặt hàng của Công ty V trên nhóm chat “SV – HN - V ruốc – cốm 40g”; Các biên bản giao hàng hóa tháng 7/2023; sau khi giao hàng, Công ty SV đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001314 ngày 30/06/2023, số

00001505 ngày 29/07/2023, Công ty V phải thanh toán cho Công ty SV số tiền hàng tháng 7/2023 là **1.097.850.015 đồng**.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty SV đã nhiều lần hỏi thúc nhưng công ty V vẫn chưa thanh toán cho SV khoản tiền công nợ nêu trên. Tại Điều 5 Hợp đồng 2022 quy định về thời hạn thanh toán: Bên B (Công ty V) có trách nhiệm thanh toán cho bên A (Công ty SV) trước ngày 15 hàng tháng cho toàn bộ các hóa đơn phát sinh từ ngày đầu của kỳ công nợ đến ngày cuối cùng của kỳ công nợ. Nếu ngày đến hạn thanh toán mà trùng với ngày/kỳ nghỉ lễ theo quy định của pháp luật có liên quan thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước của ngày đến hạn thanh toán. Bên Công ty V đã vi phạm điều 5 của Hợp đồng 2022. Như vậy, tổng 02 khoản: (a) + (b) nêu trên là:

747.648.811 đồng + 1.097.850.015 đồng = 1.845.498.826 đồng.

(Một tỷ, tám trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng)

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03/11/2023, Công ty SV yêu cầu Công ty V trả số tiền **1.845.498.826 đồng** cho Công ty SV trong thời gian sớm nhất để công ty có thể ổn định kinh doanh.

- Ngày 14/11/2023, Công ty SV đã làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Công ty thực phẩm V thanh toán thêm số tiền lãi phát sinh đối với khoản chậm trả tính đến ngày 14/11/2023 là **104.712.920 đồng**.

Như vậy đến nay, yêu cầu khởi kiện của Công ty SV đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc công ty TNHH Thực phẩm V thanh toán tổng số tiền là 1.950.211.746 đồng trong đó tiền gốc là 1.845.498.826 đồng và tiền lãi 104.712.920 đồng (tạm tính đến ngày 14/11/2023). Công Ty V tiếp tục phải thanh toán cho SV số tiền lãi đến khi trả hết số tiền gốc.

Trong quá trình tố tụng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Văn V trình bày:

Ngày 05/10/2022, Công ty Thực phẩm V và công ty SV hai bên đã ký kết 01 hợp đồng mua bán hàng hóa số/2022/HĐMB/SV-VT (Hợp đồng 2022). Trong hợp đồng quy định cụ thể về nội dung, cách thức hợp tác và phương thức thanh toán. Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 05/10/2022; hết thời hạn thì Hợp đồng tự gia hạn trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Để thuận tiện trong việc hợp tác, các nhân viên của hai bên đã lập nhóm chat Zalo có tên: “SV – HN - V ruốc – cốm 40g” để trao đổi công việc cũng như tổng hợp và gửi các tài liệu có liên quan. Hàng tháng, nhân viên của SV sẽ gửi báo giá hàng hóa, nhân viên đặt hàng của V sẽ tiến hành đặt hàng và nhân

viên của hai bên trao đổi về thời gian, địa điểm giao hàng, tình trạng hàng hóa, đối chiếu công nợ và chốt công nợ toàn bộ trên nhóm chat Zalo nêu trên. Việc hợp tác mua bán hàng hóa giữa hai bên thực hiện thuận lợi từ khi ký hợp đồng cho đến kỳ công nợ tháng 6 và tháng 7 năm 2023 thì công ty V và SV phát sinh mâu thuẫn do giá của SV bán cao hơn giá thị trường mà SV không phải là nhà sản xuất.

V đã thông báo trên nhóm Zalo cho SV để hai bên làm việc về việc điều chỉnh giá, sau đó đại diện SV đã đến công ty V trao đổi, hai bên thỏa thuận thống nhất hỗ trợ nhau giảm bớt thiệt hại (thể hiện tại công văn số 1508/23 ngày 15/8/2023). Tuy nhiên, sau khi nhận được công văn trên thì SV đã thay đổi quan điểm không hạ giá hàng hóa mà còn đe dọa bằng lời nói, khủng bố bằng điện thoại ngoài ra còn nhờ người xã hội đến V gây sức ép. Trong cả quá trình khi SV chưa khởi kiện, V luôn hợp tác giữ thái độ đúng mực để hai bên có thể thỏa thuận những phát sinh trên nhưng không được.

Về việc giao nhận hàng thời gian, địa điểm, số lượng hàng hóa mà SV đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai và cung cấp các tài liệu tại Tòa là đúng. Ngày 30/6/2023 Hai bên đã đối chiếu công nợ đến hết ngày 30/6/2023, cụ thể: Số CN 26/5 – 25/6/2023: 1.247.648.811đ (kỳ công nợ tháng 6); Số CN 26/6-30/6/2023 (1 phần kỳ công nợ tháng 7): 204.085.634đ. Tổng số tiền là: 1.451.734.445 đ. Ngày 17/7/2023 V đã chuyển khoản thanh toán cho SV số tiền 500.000.0000 đồng. Số tiền V còn nợ SV kỳ công nợ tháng 6 là **747.648.811 đồng**.

Kỳ công nợ tháng 7 thì hai bên chưa đối chiếu công nợ (từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 29/7/2023).

Do V và SV chưa chốt công nợ từ ngày 01/7 đến hết ngày 29/7/2023 nên V vẫn chưa có số liệu cụ thể, tuy nhiên số tiền V còn nợ SV thì V sẽ thanh toán nhưng số tiền có đúng như SV khởi kiện V chưa có ý kiến.

Đối với số tiền lãi mà SV yêu cầu thì V không đồng ý vì số tiền Sen Vàng đưa ra không thực tế do hai bên chưa có đối chiếu công nợ tiếp theo từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 29/7/2023 thì làm sao có số nợ cụ thể để yêu cầu lãi.

Tại phiên tòa : Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc công ty TNHH Thực phẩm V thanh toán tổng số tiền là 2.220.219.753 đồng trong đó tiền gốc là 1.845.498.826 đồng và tiền lãi 374.720.927 đồng (Tính đến ngày xét xử 07/08/2024). Công Ty V tiếp tục phải thanh toán cho SV số tiền lãi đến khi trả hết số tiền gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440 Bộ luật dân sự; Điều 24, 34, 37, 306 Luật thương mại; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV. Buộc Công ty Thực phẩm V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV số tiền **2.220.219.753 đồng** (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 1.845.498.826 đồng và tiền lãi là 374.720.927 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công Ty Thực phẩm V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng mua bán hàng hóa số/2022/HĐMB/SV-VT (Hợp đồng 2022) ngày 05/10/2022.

Công ty V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại Công ty SV số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ pháp luật:* Đây là vụ án kinh doanh thương mại: “ Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá ” nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

3. *Về nội dung tranh chấp:* Xét về hợp đồng: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì hợp đồng mua bán hàng hóa số/2022/HĐMB/SV-VT (Hợp đồng 2022) ngày 05/10/2022 về việc mua bán gồm bánh kẹo, muối, sữa tươi, mì, bột canh, mì chính và các nhu yếu phẩm hàng ngày khác giữa Công ty Thực phẩm V và công ty

SV đã được ký kết đúng về thẩm quyền, nội dung và hình thức, nên hợp đồng trên hợp pháp, làm căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

4. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Sen Vàng:

Căn cứ lời khai các bên đương sự, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ cho thấy:

Theo nội dung hợp đồng thì hai công ty ký hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 05/10/2022; hết thời hạn thì Hợp đồng tự gia hạn trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn. Hai bên thống nhất hình thức trao đổi đặt hàng thông qua nhóm chat Zalo có tên: “SV – HN”.

Tại kỳ công nợ tháng 6/2023: Công ty SV đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng gồm: số 00001264 ngày 29/06/2023, số 00001265 ngày 29/6/2023. Tại Biên bản chốt công nợ ngày 30/06/2023 Công ty V xác nhận: “*Từ ngày 26/05/2023 đến 25/06/2023, Công ty V còn nợ công ty SV số tiền 1.247.648.811 đồng*”. Đến thời điểm hiện tại, công ty V đã thanh toán số tiền nợ tháng 6/2023 là 500.000.000 đồng. Như vậy, Công ty V còn nợ Công ty Sen Vàng số tiền hàng của tháng 6/2023 là **747.648.811 đồng**.

Tại kỳ công nợ tháng 7/2023: Công ty SV đã xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001314 ngày 30/06/2023, số 00001505 ngày 29/07/2023, Công ty V phải thanh toán cho Công ty SV số tiền hàng tháng 7/2023 là **1.097.850.015 đồng**.

Công ty V cho rằng giá của SV bán cao hơn giá thị trường mà SV không phải là nhà sản xuất, và hai bên chưa chốt nợ tháng 7 nên chưa đồng ý thanh toán cho SV.

Hội đồng xét xử thấy rằng hai công ty ký Hợp đồng kể từ ngày 05/10/2022 đến tháng 5 năm 2023 hai bên mua bán thông qua nhóm chat Zalo, SV giao hàng và V đã thanh toán xong công nợ. Tháng 6 và tháng 7 V đặt hàng và nhận hàng theo như chứng cứ SV cung cấp là có căn cứ. Tháng 6 V nhận hàng tổng số tiền 1.247.648.811 đồng, V đã thanh toán được 500.000.000 đồng. Hiện V còn nợ lại 747.648.811 đồng. Tháng 7 V nhận hàng tổng số tiền 1.097.850.015 đồng, V chưa thanh toán cho SV. Tổng V còn nợ SV tổng số tiền là **1.845.498.826 đồng**. Tại công văn ngày 03/10/2023 V đã thừa nhận còn nợ SV và xin giảm 15% số tiền còn nợ.

V cho rằng giá bán của SV cao hơn giá thị trường, tuy nhiên V không trả lại hàng cho SV và V cũng không nộp được cho Tòa án căn cứ về việc SV bán giá cao. Trên thực tế đây là sự thỏa thuận giữa hai bên nên việc SV yêu cầu V phải thanh toán số tiền trên là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu về tính lãi phát sinh đối với khoản chậm trả của Công ty SV đối với Công ty V: Hội đồng xét xử xét thấy kể từ ngày 15/7/2023 và ngày

15/8/2023 (là thời điểm Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký) đến ngày xét xử sơ thẩm, theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng quy định: “ Bên B phải thanh toán cho Bên A một khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả X thời gian chậm trả theo mức lãi suất vay cao nhất mà pháp luật cho phép áp dụng tại thời điểm đến hạn thanh toán, tính trên số tiền chậm trả. Theo đó, nếu bên B vi phạm thời hạn thanh toán, các bên thống nhất áp dụng mức lãi suất cho vay cao nhất theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%”. Do vậy, việc Công ty SV yêu cầu Công ty V phải trả lãi phát sinh và công Ty V tiếp tục phải thanh toán cho SV số tiền lãi đến khi trả hết số tiền gốc là có cơ sở. Quan điểm của Người đại diện theo pháp luật của bị đơn cho rằng hai bên chưa chốt công nợ tháng 7 nên không đồng ý trả khoản tiền lãi trên là không có căn cứ chấp nhận.

- Về số tiền lãi chậm trả đối với công nợ tháng 06/2023 Công ty SV yêu cầu Công Ty V thanh toán đối với số nợ gốc: 747.648.711 đồng, thời gian tính lãi: Từ ngày 15/07/2023 đến ngày xét xử 07/08/2024 là: 342 ngày = **747.648.811 x 20% x (389/365) = 159.361.856 đồng.**

- Về số tiền lãi chậm trả đối với công nợ tháng 07/2023 Công ty SV yêu cầu Công Ty V thanh toán đối với số nợ gốc: 1.097.850.015 đồng, thời gian tính lãi: Từ ngày 15/08/2023 đến ngày xét xử 07/08/2024 là: 311 ngày = **1.097.850.015 x 20% x (358/365) = 215.359.071 đồng.**

Tổng = 374.720.927 (ba trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm hai mươi nghìn chín trăm hai bảy đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của nguyên đơn đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, cần buộc Công ty Thực phẩm V phải trả cho Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV các khoản như sau: Tiền nợ tháng 6/2023: 747.648.811đ. Tiền nợ tháng 7/2023: 1.097.850.015đ.

- Số tiền lãi chậm trả công nợ tháng 6/2023 từ ngày 15/7/2023 đến ngày xét xử 07/8/2024 là 389 ngày: $747.648.811đ \times 20\% \times 389 / 365 = 159.361.856 \text{ đồng.}$

- Số tiền lãi chậm trả công nợ tháng 7/2023 Từ ngày 15/08/2023 đến ngày xét xử 07/8/2024 là 358 ngày: $1.097.850.015 \times 20\% \times (358/365) = 215.359.071 \text{ đồng.}$

Tổng cộng là: 2.220.219.753 đồng

Ngày 14/11/2023 Công ty SV yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản của Công Ty V, tuy nhiên Tòa án yêu cầu SV cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng Sen Vàng không cung cấp được, ngày 07/12/2024 Sen Vàng có đơn đề nghị rút đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên Tòa án không phải xem xét.

5. *Về án phí*: Theo quy định của pháp luật Công ty Thực phẩm V phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng điều 430, Điều 440 của **Bộ luật dân sự năm 2015**;

- Áp dụng các điều 24, 34, 37, 306 Luật thương mại;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV. Buộc Công ty Thực phẩm V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV số tiền **2.220.219.753 đồng** (*Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*), trong đó tiền gốc là 1.845.498.826 đồng và tiền lãi là 374.720.927 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công Ty Thực phẩm V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng mua bán hàng hóa số/2022/HĐMB/SV-VT (Hợp đồng 2022) ngày 05/10/2022.

2/ Về án phí: Công ty Thực phẩm V phải chịu 76.404.395 (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm linh bốn nghìn ba trăm chín lăm) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả Công ty Cổ phần dịch vụ B2B SV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.653.000đ (*Ba mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2023/0000587 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho Nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Cục THADS thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Thiện